

Hà Tĩnh, ngày 08 tháng 02 năm 2021,

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu Hiền

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Trần Thị T Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 93/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/12/2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 07/2021/QĐ-TA ngày 26 tháng 01 năm 2021, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Người yêu cầu thứ nhất: Anh Trần Văn K, sinh ngày 26/4/1989.
Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.
Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc. Vắng mặt.
2. Người yêu cầu thứ hai: Chị Trần Thị T, sinh ngày 10/7/1991
Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.
Hiện đang lao động tự do tại Hàn Quốc. Vắng mặt.
3. Người tham gia tố tụng khác:
 - Bà Nguyễn V (Người được chị Trần Thị T ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ); Nơi cư trú hiện nay: Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.
 - Bà Trần Thị L, địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, Bản tự khai cũng như các tài liệu khác có tại hồ sơ, anh Trần Văn K và chị Trần Thị T trình bày thống nhất như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị đăng ký kết hôn ngày 22/4/2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống cùng gia đình anh Khánh tại Nghi Xuân được một thời gian. Cuộc sống hạnh phúc. Tuy nhiên, do không có công việc ổn định, kinh tế khó khăn nên vợ chồng bàn bạc đi lao động nước ngoài. Tháng 5/2018 chị Thúy, tháng 6/2018 anh Khánh lần lượt sang Hàn Quốc lao động. Sau khi sang Hàn Quốc, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không sống chung, mỗi người ở một nơi, công việc nhiều nên không quan tâm, chăm sóc nhau, vợ chồng không tin tưởng, nghi kỵ lẫn nhau, tình cảm phai nhạt. Nhận thấy, tình cảm không còn nên anh Khánh và chị Thúy đều có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa hai anh chị.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trần Anh M, sinh ngày 28/10/2013 và Trần Trâm Anh, sinh ngày 14/11/2018. Hai đương sự thống nhất giao con chung cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Trần Văn K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian chị Thúy chưa về nước, cả hai thống nhất nhờ bà Nguyễn Thị V là mẹ đẻ của chị Thúy thay chị Thúy chăm sóc các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người tham gia tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị V trình bày: Các con chung của anh Trần Văn K và chị Trần Thị T là Trần Anh M và Trần Trâm Anh đã được bà chăm sóc từ khi anh Khánh, chị Thúy đi nước ngoài cho đến nay, bà tự nguyện tiếp tục chăm sóc các cháu thay chị Thúy mà không có yêu cầu gì về chi phí nuôi dưỡng, đồng thời chấp nhận sự ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của chị Thúy, cam đoan thông báo kịp thời đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị Thúy.

Bà Trần Thị L- mẹ đẻ của anh Trần Văn K cũng đồng ý chấp nhận sự ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của anh Khánh và cam đoan thông báo kịp thời đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Khánh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn K và chị Trần Thị T, giao các con chung cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh Khánh chưa về nước bà Nguyễn Thị V chăm sóc các con chung thay chị Trần Thị T. Về tài sản

chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Trần Văn K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Trần Văn K và chị Trần Thị T đều có yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc ly hôn. Cả hai đều có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Cương Gián, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh và hiện đang cư trú tại nước ngoài (anh Khánh xuất cảnh ngày 22/6/2018, chị Trần Thị T xuất cảnh ngày 29/5/2018, hiện đều chưa có thông tin nhập cảnh). Căn cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Các tài liệu chứng cứ anh Khánh và chị Thúy gửi về từ Hàn Quốc, qua đường bưu chính được xác định là hợp pháp.

Tại phiên họp, anh Khánh và chị Thúy vắng mặt, tuy nhiên đã có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết đồng thời anh Khánh ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Trần Thị L (mẹ đẻ anh Khánh), chị Thúy ủy quyền việc giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Nguyễn Thị V (mẹ đẻ chị Thúy). Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt người yêu cầu theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn K và chị Trần Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn vào 22 tháng 4 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện N tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại các Điều 9,11,12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh Trần Văn K và chị Trần Thị T thấy rằng:

Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đi lao động nước ngoài. Theo thừa nhận của cả hai, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do sau khi sang Hàn Quốc, vợ chồng không sống chung, áp lực về thời gian làm việc nên không có điều kiện chăm sóc, thiếu niềm tin, nghi kỵ lẫn nhau dẫn đến mất tình cảm. Cả hai đều khẳng định không mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân và đã thống nhất thuận tình ly hôn, thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn và thỏa thuận về tài sản.

Như vậy, vợ chồng đã không thực hiện nghĩa vụ “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*” (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và “không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc”, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Về quan hệ con chung: Sự thỏa thuận của chị Trần Thị T và anh Trần Văn K về người trực tiếp nuôi con chung Trần Anh M, sinh ngày 28/10/2013 và Trần Trâm Anh, sinh ngày 14/11/2018 sau ly hôn là chị Trần Thị T, trong thời gian chị Thúy chưa về nước bà Nguyễn Thị V (người đang trực tiếp nuôi dưỡng các con chung của anh Khánh và chị Thúy) thay chị Thúy chăm sóc các con chung là phù hợp với thực tế và quy định pháp luật. Cháu Trần Anh M và Trần Trâm Anh, đã được bà V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ thời điểm anh Khánh, chị Thúy đi lao động nước ngoài đến nay, nên cần áp dụng Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận về con chung của các đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh Trần Văn K tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn K và chị Trần Thị T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Trần Anh M, sinh ngày 28/10/2013 và Trần Trâm Anh, sinh ngày 14/11/2018 cho chị Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (trong thời gian chị Thúy chưa về nước bà Nguyễn Thị V tự nguyện tiếp tục chăm sóc các con chung thay chị Thúy). Anh Trần Văn K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Trần Văn K (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000086 ngày 10/12/2020 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp

trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- *TAND cấp cao;*
- *VKSND tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);*
- *Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;*
- *UBND nơi thực hiện ĐKKH*
- *Đương sự ;*
- *Lưu HS, TDS.*

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Trần Thị Thu Hiền